

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 16/04/2024.

V/v tranh chấp: xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Quang**.

2. Bà **Bào Thanh Loan**.

- Thư ký phiên tòa: bà **Trần Thị Ngọc Thúy**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây không tham gia phiên Tòa

Trong ngày 16 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 438/2024/TLST-HNGĐ ngày 08/12/2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐST- HNGĐ ngày 11/03/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28/03/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **NGUYỄN PHƯỚC L** - sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, Tiền Giang.

* Bị đơn: Ông **NGUYỄN VĂN Đ** - sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp N, xã L, huyện G, Tiền Giang

(Bà L xin vắng mặt, ông Đ vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Phước L trình bày: bà và ông Nguyễn Văn Đ sống với nhau từ năm 2000, có sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L năm 2019. Sau khi cưới bà và ông Đ sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn do ông Đ có quan hệ với người phụ nữ khác, còn bạo hành gia đình dẫn đến thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đòi

sống chung kéo dài đến năm 2020, thì bà và ông Đ sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà L yêu cầu xin ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: có 1 cháu tên Nguyễn Phước Lam Tr – sinh ngày 24/05/2001, hiện cháu Tr đã thành niên. Khi ly hôn bà L không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Đ, nhưng ông Đ không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Nguyễn Phước L xin vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”.

[1] Xét nguyên đơn bà Nguyễn Phước L có đơn xin xét xử vắng mặt có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt bà L.

[2] Xét bị đơn ông Nguyễn Văn Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt ông Đ.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Phước L là có cơ sở. Vì bà Nguyễn Phước L và ông Nguyễn Văn Đ cưới nhau vào năm 2000, được sự tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L số 145 ngày 26/11/2019. Sau khi cưới bà L và ông Đ sống hạnh phúc được 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đời sống chung kéo dài đến năm 2020 thì sống ly thân cho đến nay, mà giữa bà L, ông Đ vẫn không hàn gắn được tình cảm. Cho thấy mâu thuẫn giữa bà L và ông Đ đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: có 1 cháu tên Nguyễn Phước Lam Tr – sinh ngày 24/05/2001, hiện cháu Tr đã thành niên. Khi ly hôn bà L không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: bà L và ông Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, nếu sau này bà L và ông Đ có tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí: do bà L là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 175, 179, 227, 228, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự
- Áp dụng vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Phước L.

Bà Nguyễn Phước L được ly hôn với ông Nguyễn Văn Đ.

Về án phí: bà Nguyễn Phước L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0009103 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, do vậy bà L đã nộp xong án phí.

Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã L
- Các đương sự.

Nguyễn Văn Tuấn Anh